

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày: 15/6/2020**

**V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Ông Nguyễn Thanh Bình

2/Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:*

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HN ngày 7/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST – HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970(có mặt)*

*ĐKKHKT: ấp H H, xã N V T, B T, Vĩnh Long.*

*Tạm trú: Số 4293, tổ 32B, ấp T T, xã T A, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long.*

*\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt)*

*ĐKKHKT: ấp H H, xã N V T, huyện B T, Vĩnh Long.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 17/02/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 1993, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông hoa tai, 01 sợi dây chuyền, tổng cộng là vàng 03 chỉ vàng 24K, chị N và anh H đã thỏa thuận bán hết số nữ trang cưới này để tiêu xài nay không còn. Chị N và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2003.*

*Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại ấp H H, xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. Chị N và anh H sống hạnh phúc được 02 năm có 02 con chung tên Nguyễn Thị B P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành, Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006 hiện đang sống với chị N.*

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Tài sản riêng: chị N có mua được 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K từ tiền riêng của chị N, vào ngày 01/02/2020 thì anh H giật sợi dây chuyền khi chị N đang đeo trên người, hiện anh H đang cất giữ sợi dây chuyền đó.

Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống với nhau, anh H thường xuyên rượu chè không quan tâm chăm sóc gia đình, thậm chí anh H còn bạo hành đánh đập chị N, chị N nhiều lần khuyên bảo anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên chị N và anh H ly thân từ tháng 11/2019 (âm lịch) cho đến nay, hiện mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị B P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*\*Tại bản khai ngày 17/3/2020 của bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh Nguyễn Văn Hạnh thống nhất với lời trình bày của chị Nêu về thời gian kết hôn, nữ trang cưới, con chung, tài sản chung, mâu thuẫn gia đình là đúng, nay trước yêu cầu của chị N xin ly hôn thì anh H không đồng ý và yêu cầu đoàn tụ gia đình vì anh còn thương chị N và con. Anh H thừa nhận là có đánh chị N là vì ghen và nghi ngờ chị N quen với người người đàn ông khác bên ngoài. Nếu giải quyết cho chị N ly hôn anh H thì về con chung: anh H đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006, anh H không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- Chị N trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống với nhau, anh H thường xuyên rượu chè không quan tâm chăm sóc gia đình, thậm chí anh H còn bạo hành đánh đập chị N, chị N nhiều lần khuyên bảo anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên chị N và anh H ly thân từ tháng 11/2019 (âm lịch) cho đến nay, hiện mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bằng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1993, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N V T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2002, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì chị N và H thường xuyên bất đồng quan điểm sống và anh H thường hay uống rượu về đánh đập chị N dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị N và anh H đã ly thân với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị N xin ly hôn anh H. Do đó áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H sống chung với nhau có sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị B P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P, để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu P không bị thay đổi nên để cho chị N tiếp tục nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P, không trái quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H.

Anh Nguyễn Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011345 ngày 17/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2/Về con chung:

+ Cháu Nguyễn Thị B P, sinh ngày 18/4/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 12/02/2006, đến khi cháu tròn 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011345 ngày 17/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBND xã Nguyễn Văn Thành, Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

**Phạm Thành Tựu**